



BÀI TẬP HÓA HỌC 8

Phiếu bài tập bài 18- Mol

Họ và tên.....Lớp.....

Câu 1: Số Avogadro (N) có giá trị là

- A. 6.10^{22} . B. 6.10^{23} . C. 6.10^{24} . D. 6.10^{25} .

Câu 2: Mol là lượng chất chứa bao nhiêu hạt vi mô (nguyên tử, phân tử)?

- A. 3.10^6 . B. 6.10^{23} . C. 6.10^{22} . D. $7,5.10^{23}$.

Câu 3: Điều kiện chuẩn (đktc) là:

- A. 20°C ; 1atm. B. 0°C ; 1atm.
C. 1°C ; 0 atm. D. 0°C ; 2 atm.

Câu 4: Ở điều kiện tiêu chuẩn, 1 mol của bất kì chất khí nào đều chiếm một thể tích là

- A. 11,2 lít. B. 22,4 lít. C. 24,2 lít. D. 42,4 lít.

Câu 5: Khối lượng mol của một chất là khối lượng của bao nhiêu nguyên tử hoặc phân tử?

- A. 6.10^{22} . B. 6.10^{23} . C. 6.10^{24} . D. 6.10^{25} .

Câu 6: Thể tích mol của chất khí là thể tích chiếm bởi bao nhiêu phân tử?

- A. 6.10^{22} . B. 6.10^{23} . C. 6.10^{24} . D. 6.10^{25} .

Câu 7: Trong 1 mol AlCl_3 có chứa bao nhiêu phân tử AlCl_3 ?

- A. 18.10^{23} . B. 9.10^{23} . C. 12.10^{23} . D. 6.10^{23} .

Câu 8: Trong 1 mol H_2O có chứa bao nhiêu nguyên tử oxi?

- A. 3.10^6 . B. 9.10^{23} . C. 12.10^{23} . D. 6.10^{23} .

Câu 9: 1 mol nguyên tử nhôm có chứa bao nhiêu nguyên tử nhôm?

- A. 56. B. 3.10^{23} . C. 9.10^{23} . D. 6.10^{23} .

Câu 10: Ở điều kiện tiêu chuẩn, 22,4 lít khí H_2 chứa bao nhiêu phân tử?

- A. 3.10^6 . B. 9.10^{23} . C. 12.10^{23} . D. 6.10^{23} .

Câu 11: Trong 1 mol H_2O có chứa bao nhiêu nguyên tử hydro?

- A. 3.10^6 . B. 9.10^{23} . C. 12.10^{23} . D. 6.10^{23} .

Câu 12: Trong 1 mol FeCl_3 có chứa bao nhiêu nguyên tử clo?

- A. 18.10^{23} . B. 9.10^{23} . C. 12.10^{23} . D. 6.10^{23} .

Câu 13: 0,75 mol nguyên tử sắt có chứa bao nhiêu nguyên tử sắt?

- A. 56. B. $4,5.10^{23}$. C. 9.10^{23} . D. 6.10^{23} .

Câu 14: 0,25 mol phân tử nước có chứa bao nhiêu phân tử nước?

- A. $1,5.10^{23}$. B. $4,5.10^{23}$. C. 12. D. 6.10^{23} .

Câu 15: Có bao nhiêu mol phân tử oxi có trong $1,5.10^{24}$ phân tử oxi?

- A. 2 mol. B. 3 mol. C. 2,5 mol. D. 3,5 mol.

Câu 16: Phải cần bao nhiêu mol nguyên tử C để có $2,4.10^{23}$ nguyên tử C?

- A. 0,5 mol. B. 0,55 mol. C. 0,4 mol. D. 0,45 mol.

Câu 17: Phải lấy bao nhiêu mol phân tử CO_2 để có $1,5.10^{23}$ phân tử CO_2 ?

- A. 0,20 mol. B. 0,25 mol. C. 0,30 mol. D. 0,35 mol.

Câu 18: Số nguyên tử H có trong 1,8 gam H_2O là

- A. $0,2989.10^{23}$. B. $0,3011.10^{23}$.
C. $1,2044.10^{23}$. D. $10,8396.10^{23}$.

Câu 19: Một chiếc ca nhôm nặng 54 gam. Số nguyên tử Al trong chiếc ca là

- A. 6.10^{23} . B. 15.10^{23} . C. 12.10^{23} . D. 12.10^{24} .

Câu 20: Trong 24 gam MgO có bao nhiêu phân tử MgO?

- A. $2,6 \cdot 10^{23}$. B. $3,6 \cdot 10^{23}$. C. $3,0 \cdot 10^{23}$. D. $4,2 \cdot 10^{23}$.

Câu 21: Hãy cho biết $3,01 \cdot 10^{24}$ phân tử oxi nặng bao nhiêu gam? (lấy $N_A = 6,02 \cdot 10^{23}$)

- A. 120 gam. B. 140 gam. C. 160 gam. D. 150 gam.

Câu 22: Số nguyên tử sắt có trong 280 gam sắt là

- A. $20,1 \cdot 10^{23}$. B. $25,1 \cdot 10^{23}$. C. $30 \cdot 10^{23}$. D. $35,1 \cdot 10^{23}$.

Câu 23: Số phân tử H_2O có trong một giọt nước (0,05 gam) là

- A. $1,7 \cdot 10^{23}$. B. $1,7 \cdot 10^{22}$. C. $1,7 \cdot 10^{21}$. D. $1,7 \cdot 10^{20}$.

Câu 24: Tổng số nguyên tử các nguyên tố trong 4,5 ml H_2O ($D = 1$ gam/ml) là

- A. $3 \cdot 10^{23}$. B. $1,5 \cdot 10^{23}$. C. $4,5 \cdot 10^{23}$. D. $6 \cdot 10^{23}$.

Câu 25: Khối lượng hidro trong trường hợp nào sau đây là nhỏ nhất?

- A. $6 \cdot 10^{23}$ phân tử H_2 . B. 0,6 gam CH_4 .
C. $3 \cdot 10^{23}$ phân tử H_2O . D. 1,50 gam NH_4Cl .